

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Thị Mai Oanh

2. Ngày tháng năm sinh: 19/08/1982; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Đan Hà, Hạ Hòa, Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 48/1/106-Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Vật Lí, trường Đại Học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0985190882;

E-mail: lemaioanh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2010 đến năm 2020: Giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547797

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 24 tháng 06 năm 2004, ngành: Vật lí, chuyên ngành: Vật lí Chất rắn

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường ĐH Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 09 tháng 05 năm 2007, ngành: Khoa học vật liệu, chuyên ngành: Khoa học vật liệu

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 08 tháng 03 năm 2017, ngành: Vật lí, chuyên ngành: Vật lí Chất rắn

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu cải thiện tính chất sắt điện và sắt từ của vật liệu multiferroics có cấu trúc perovskite ABO₃.

- Nghiên cứu cải thiện tính chất quang xúc tác của các vật liệu bán dẫn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 46 bài báo KH, trong đó 17 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đạt

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				1	190	90	280/295/238
2	2015-2016				3	140	90	230/345/229,5
3	2016-2017				2	140	90	230/360/229,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018			3	3	230	15	245/617,5/229,5
5	2018-2019			2	1	140	90	230/410/202,5
6	2019-2020			2		120		120/380/202,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường ĐH Sư phạm Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 khung năng lực Châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thanh Long		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	2018
2	Hoàng Diệu Bình		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	2018
3	Đinh Thị Hương		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	2018

4	Bùi Thị Thu		X		X	12/2018 đến 12/2019	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	2019
5	Vũ Thị Hậu		X		X	12/2018 đến 12/2019	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT - Ảnh hưởng của các ion 3d, 4f và halogen lên tính chất quang và điện tử của vật liệu ABO ₃ và XYO ₄	TK	103.02-2014.21, cấp Bộ	01/03/2015 đến 28/02/2017	8/9/2017 ĐẠT
2	Chế tạo và nghiên cứu tính chất cấu trúc và tính chất điện tử của vật liệu composite perovskite – spinel ABO ₃ -CoFe ₂ O ₄ multiferroic	CN	SPHN11-12, cấp Cơ sở	01/01/2011 đến 30/06/2012	2/7/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT - Tổng hợp, nghiên cứu tính chất và khả năng quang xúc tác của vật liệu composite nền g-C ₃ N ₄ (g-C ₃ N ₄ /TiO ₂ , g-C ₃ N ₄ /ZnO, g-C ₃ N ₄ /ZnWO ₄ , g-C ₃ N ₄ /PbTiO ₃ , ...)	TK	103.02-2016.46, cấp Bộ	01/04/2017 đến 27/5/2019 ĐẠT	12/5/2020 ĐẠT

1	Physical Properties of Sol-Gel Lead Nickel Titanate Powder Pb(Ti1-xNix)O3	3	Có	Materials Transactions	Q3 - ISI IF: 0.764	9	56 , 9, 1358- 1361	2015
2	Influence of Mn doping on the structure, optical and magnetic properties of PbTiO3 material	5	Có	IEEE Transaction on Magnetic	Q3 - ISI IF: 1.651		50 , 6, 2502004 (4)	2014
3	Amorphous CoFe2O4 nanoparticles: synthesis, crystallization process and magnetic properties.	7	Không	IEEE Transaction on Magnetic	Q3 IF: 1.651		50 , 6, 2502904 (4)	2014
4	Influence of Mn Doping on the Crystal Structure, and Optical and Magnetic Properties of SrTiO3 Compounds	6	Không	IEEE Transaction on Magnetic	Q3 IF: 1.651	4	50 , 6, 2502704 (4)	2014

5	Crystallization process and magnetic properties of amorphous NiFe ₂ O ₄ nanoparticles.	6	Không	IEEE Transaction on Magnetic	Q3 - ISI <i>IF: 1.651</i>		50 , 6, 2502104 (4)	2014
6	Investigation of structural, optical and magnetic properties in PbTi _{1-x} Fe _x O ₃ ceramics	5	Không	Ceramics International	Q1 - ISI <i>IF: 3.45</i>	8	37 , 8, 3785- 3788	2011
7	Structureal, vibrational, optical and magnetic properties of 0-3 particulate NiFe ₂ O ₄ -PbTiO ₃ composites	2	Có	Journal of Science of HNUE			61 , 9A, 3-8	2016
8	Effects of crystallinity and particle size on photocatalytic performance of ZrTiO ₄ nanostructured powders	8	Có	VNU Journal of Science			31 , 4, 49-55	2015

9	Effect of neodymium and transition metals co-doped on structural, optical and magnetic properties of BiFeO ₃ materials	4	Không	VNU Journal of Science			31 , 3, 63-69	2015
10	Khảo sát ảnh hưởng của sự pha tạp và nhiệt độ ủ lên quá trình hình thành pha cấu trúc và kích thước hạt của tinh thể PbTiO ₃	3	Có	Journal of Science of HNUE			59 , 1A, 72-79	2014
11	Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện công nghệ tối cấu trúc,tính chất từ và quang học của vật liệu BiFeO ₃	6	Không	Journal of Science of HNUE			59 , 1A, 3-8	2014
12	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật lí của vật liệu KBiFe ₂ O ₅	4	Có	Journal of Science of HNUE			59 , 1A, 85-90	2014

13	Properties of (x)CoFe ₂ O ₄ - (1-x)BiFeO ₃ multiferroic composites	3	Có	VNU Journal of Science		1	27 , 4, 212-218	2011
14	Classification of natural tourmaline using near- infrared absorption spectroscopy	4	Có	VNU Journal of Science		3	26 , 4, 207- 212	2010
15	Structural and optical properties of Gd doped BiFeO ₃ materials	5	Không	Proceedings SPMS- 2015			, 735- 738	2015
16	Room temperature ferromagnetism in Co-doped PbTiO ₃ materials fabricated by low temperature sol-gel method	2	Có	Proceedings ICPA- 2012			, 270- 274	2012
17	Ferromagnetism in sol-gel composites (x)CoFe ₂ O ₄ - (1-x)PbTiO ₃	2	Có	Proceedings ICPA- 2012			, 580- 584	2012

18	Properties of (x)CoFeO ₄ - (1-x)PbTiO ₃ multiferroic composites	3	Có	Proceedings ICPA- 2010			, 444- 449	2010
19	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình xử lý nhiệt lên cấu trúc và tính chất quang của đá quý Beryl và Feldspar	4	Có	Proceedings SPMS- 2009			, 1004- 1009	2009
20	Surface and characteristics of Si- implanted GaN epitaxial film	2	Có	Proceedings SPMS- 2009			, 493- 496	2009
21	Simulation and fabrication of Bi-mesa quartz crystal microbalance sensor	5	Không	Procceding ICEP- 2006			, 323- 326	2006

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

22	Structural, optical, ferroelectric and ferromagnetic properties of Bi _{1-x} Gd _x FeO ₃ materials	8	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - ISI IF: 1.676		49 , 7,	2020
23	Effect of heating time on structural, morphology, optical and photocatalytic properties of g-C ₃ N ₄ nanosheets	7	Có	Chinese Physics B	Q2 - ISI IF: 1.469		9 , 5, 057801 (5)	2020
24	Enhancement of ferroelectric and ferromagnetic properties of Gadolinium (Gd) and Nickel (Ni) co-doped BiFeO ₃	7	Có	Ceramics International	Q1 - ISI IF: 3.45		46 , 11, 17423- 17429	2020
25	Structural and multiferroic properties of (Sm, Mn) co-doped BiFeO ₃ materials	4	Không	AIMS Materials Science	- ISI IF: 1.07		7 , 2, 160–169	2020

26	Temperature-dependent preparation of bismuth pyrostannate Bi ₂ Sn ₂ O ₇ and its photocatalytic characterization	8	Không	Materials Chemistry and Physics	Q2 - ISI IF: 2.781	4	221 , 1, 197-202	2019
27	Structural, Electrical, and Magnetic Properties of Bi _{0.90} Nd _{0.10} Fe _{0.98} TM _{0.02} O ₃ (TM = Mn, Co, Ni, and Cu) Materials	8	Không	IEEE Magnetics Letters	Q2 - ISI IF: 1.672		10 , 2501505 (5)	2019
28	Enhancement of Rhodamine B Degradation by Ag Nanoclusters-Loaded g-C ₃ N ₄ Nanosheets	7	Có	Polymers	Q1 - ISI IF: 3.771	2	10 , 6, 633 (10)	2018

29	Influence of annealing temperature on physical properties and photocatalytic ability of g-C ₃ N ₄ nanosheets synthesized through urea polymerization in Ar atmosphere	8	Có	Physica B	- ISI IF: 1.784	8	532 , 48-53	2018
30	A study on structure, morphology, optical properties, and photocatalytic ability of SrTiO ₃ /TiO ₂ granular composites	5	Có	Physica B	- ISI IF: 1.874	5	532 , 1, 37-41	2018
31	A study on low sintering-temperature (1-x) (0.98(Bi _{0.5} (Na _{0.78} K _{0.22}) _{0.5} TiO ₃)-0.02CuO)-(x)CoFe ₂ O ₄ particulate composites	123	Có	Applied Physics A	Q2 - ISI IF: 1.874		123 , 7, 465 (6)	2017

32	Influence of fluorine on structure, morphology, optical and photocatalytic properties of ZnWO ₄ nanostructures	7	Có	Materials Transactions	Q3 - ISI IF: 0.764		58 , 9, 1245- 1249	2017
33	Hydrothermal Synthesis, Photocatalytic Performance, and Phase Evolution from BiOCl to Bi ₂ Ti ₂ O ₇ in the Bi-Ti-Cl-O System	6	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - ISI IF: 1.676	2	46 , 12, 6829- 6833	2017
34	Structural, magnetic and electric properties of Nd and Ni co-doped BiFeO ₃ materials	7	Không	AIMS Materials Science	- ISI IF: 1.07		4 , 4,	2017
35	Formation of Crystal Structure of Zirconium Titanate ZrTiO ₄ Powders Prepared by Sol–Gel Method	7	Có	Journal of Electronic Materials	Q2 - ISI IF: 1.676	11	45 , 5, 2553- 2558	2016

36	A study of structural phase transition, vibration, optical, and magnetic properties of Fe-doped PbTiO ₃ nanostructured powders	3	Có	Applied Physics A	Q2 - ISI <i>IF: 1.784</i>	4	112 , 7, 660 (6)	2016
37	Structural, magnetic and electrical properties of Ho and Ni co-doped BiFeO ₃ materials	6	Không	Vietnam Journal of Science and Technology			58 , 2, 152- 161	2020
38	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật lí, khả năng quang xúc tác của vật liệu tổ hợp g-C ₃ N ₄ /ZnO	4	Có	Journal of Science of HNUE			65 , 3, 46-53	2020

39	Ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian nung lên cấu trúc, tính chất vật lý và khả năng quang xúc tác của vật liệu g-C ₃ N ₄ được điều chế bằng quá trình nhiệt phân urê trong không khí	6	Không	Journal of Science of HNUE			65 , 3, 66-74	2020
40	Nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang xúc tác của vật liệu tổ hợp TiO ₂ pha tạp N với graphene	7	Không	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự			2018 , 187-192	2018
41	Cấu trúc tinh thể, tính chất sắt điện và sắt từ của vật liệu Ni _{0,9} Nd _{0,1} Fe _{0,98} TM _{0,02} O ₃ (TM = Co, Mn, Ni)	6	Không	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự			2018 , 198-203	2018

42	Nghiên cứu chế tạo, tính chất vật lý và khả năng quang xúc tác của vật liệu tổ hợp g-C ₃ N ₄ /TiO ₂	6	Không	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự			2018 , 136-142	2018
43	Enhanced ferroelectricity and ferromagnetism of (Y, Ni) co-doped BiFeO ₃ materials	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			51 , 1A, 219-235	2018
44	Structural and optical properties of SrTiO ₃ nano material obtained by sol-gel method	5	Không	Communications in Physics		1	27 , 2, 173-179	2017
45	Microstructure, magnetic and electrical properties of (La, Ni) co-doped BiFeO ₃ materials	7	Không	Proceedings ICAMN-2019			, 12-16	2019

46	Effect of (Ho, Co) co-doping on crystal structure, magnetic and electrical properties of BiFeO ₃ materials	7	Không	Proceedings SPMS-2019			, 269-272	2019
----	---	---	-------	-----------------------	--	--	-----------	------

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)